

Bản án số: 26/2017/ LH-ST

Ngày: 24/7/2017

Về việc: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Đồng Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiệp

2. Bà Vũ Thị Hà

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Trần Thị Nguyên** - Cán bộ Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Bà **Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2017/LHST ngày 18 tháng 05 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp : Ly hôn, giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L** sinh năm: 1981

HKTT: Số 44 phố BL, phường P, quận HK, Hà Nội.

Hiện ở: Số 35 TT, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T** sinh năm: 1982

HKTT: Số 44 phố BL, phường P, quận HK, Hà Nội.

Anh T hiện đang chấp hành án tại đội 32, phân trại số 1 - Trại giam TL, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị L tại Tòa án như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Quang T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận HK Hà Nội năm 2009.

Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại 44 Phố BL, Quận H K, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy tháng 5/2010 anh T phải đi cai nghiện bắt buộc, trong thời gian anh T đi cai nghiện chị vẫn ở cùng bố mẹ chồng

và hàng tháng chị vẫn đi thăm nuôi, động viên anh T cố gắng cai nghiện. Năm 2012 anh T hết hạn cai nghiện bắt buộc trở về chung sống cùng chị và gia đình. Trong thời gian này, vợ chồng luôn xảy ra những bất đồng, thường xuyên cãi nhau. Anh T đã nhiều lần đánh chị. Đến năm 2013 do không chịu đựng được tính cách nóng nảy của anh T nên chị đã chuyển vào sinh sống tại tỉnh Thừa Thiên - Huế, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Ngày 19/6/2015 anh T có hành vi trộm cắp tài sản bị bắt giam và bị Tòa án xử phạt 48 (bốn mươi tám) tháng tù giam. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại đội 32, phân trại số 1 - Trại giam TL, Tỉnh Thanh Hóa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Chị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai của anh Nguyễn Quang T tại Trại giam TL, tỉnh Thanh Hóa. Theo bản tự khai ngày 20/6/2017 anh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu. Năm 2009 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H K, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Từ ngày 19/6/2015 anh bị bắt và phải chấp hành 48 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Con chung: Anh chị không có con chung.

- Tài sản chung, nhà ở, công nợ: Anh chị không có tài sản chung và không nợ ai.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - chị L vẫn giữ nguyên các yêu cầu ly hôn, con chung và tài sản chung

Bị đơn - anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về Tổ tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thời hạn tố tụng và thời gian chuyển hồ sơ đề Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, anh T đã có bản tự khai. Vì anh T đang phải chấp hành án phạt tù nên đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Quang T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận HK, Hà Nội ngày 26/10/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và qua xác minh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn anh chị hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy. Năm 2010 gia đình và chính quyền đã đưa anh đi cai nghiện, năm 2012 anh T trở về chung sống với gia đình. Trong thời gian này cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra những bất đồng, anh chị thường xuyên cãi nhau. Do không chịu đựng được tính cách nóng nảy của anh T nên chị đã chuyển vào sinh sống tại tỉnh Thừa Thiên - Huế, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Từ ngày 19/6/2015 anh bị bắt và phải chấp hành 48 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại đội 32, phân trại số 1 - Trại giam TL, Tỉnh Thanh Hóa.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của hai bên. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị L và anh T là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Anh chị khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

*** Vì các lẽ trên!**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Quang T.

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Quang T

2, Con chung: Anh chị khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3, Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Anh chị khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí, quyền kháng cáo: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 01952 ngày 15/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Chị L có mặt tại phiên toà và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên toà và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản sao bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Đồng Trung